TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST Ngày: 06-5-2025 Về việc "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Quang.

Ông Trần Công Đẳng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Hồng N, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng N1, sinh năm 1980 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2025, bà Châu Hồng N trình bày*:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Lê Hoàng N1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng và nhường nhịn nhau. Từ đó mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông N1 nên yêu cầu xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà và ông Lê Hoàng N1 có 02 người con chung tên Lê Hoàng L, sinh năm 2000 và Lê Hoàng S, sinh năm 2003. Hiện con chung đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.
Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

* Đối với ông Lê Hoàng N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo các yêu cầu khởi kiện của bà Châu Hồng N nhưng ông N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Châu Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Hoàng N1, nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 16/01/2025, bà Châu Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê Hoàng N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông N1 vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N, ông N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Châu Hồng N và ông Lê Hoàng N1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong xin hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng và nhường nhịn nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hàn gắng được nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Hoàng N1. Đối với ông Lê Hoàng N1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng thông báo việc bà N xin ly hôn nhưng ông N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Châu Hồng N về việc xin ly hôn với ông Lê Hoàng N1.

Cho bà Châu Hồng N được ly hôn với ông Lê Hoàng N1 (bà N và ông N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 27/03/2012).

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Châu Hồng N và ông Lê Hoàng N1 có 02 người con chung tên Lê Hoàng L, sinh năm 2000 và Lê Hoàng S, sinh năm 2003. Bà Châu Hồng N xác định con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết. Ông Lê Hoàng N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo về ý kiến của bà N về con chung nhưng ông N1 không có ý kiến gì. Từ đó có cơ sở xác định con chung của bà N với ông N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà N và ông N1 không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Châu Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2025, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006908 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà Châu Hồng N, ông Lê Hoàng N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Hồng N về việc xin ly hôn với ông Lê Hoàng N1.

Cho bà Châu Hồng N được ly hôn với ông Lê Hoàng N1 (bà N và ông N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 27/03/2012).

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Châu Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 01 năm 2025, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006908 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm bà Châu Hồng N, ông Lê Hoàng N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh An, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi